*Ngày soạn: 21/02/2025*

*Ngày dạy: 27/02/2025*

## **Tiết 109, 113 - BÀI 45. SINH QUYỂN**

Thời gian thực hiện: 2 tiết

1. **MỤC TIÊU**
2. **Kiến thức**

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nêu được khái niệm sinh quyển.
* Nhận biết được các khu sinh học trên Trái Đất.

1. **Năng lực**

***Năng lực chung:***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn vè làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

* *Năng lực nhận thức khoa học tự nhiên:* Nêu được khái niệm sinh quyển.
* *Năng lực tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên:* Tìm hiểu được các khu sinh học trên Trái Đất.
* *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: G*iải các bài tập vận dụng liên quan đến sinh quyển.

1. **Phẩm chất**

* Tham gia tích cực các hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân.
* Cẩn thận, trung thực và thực hiện yêu cầu bài học.
* Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá và học tập khoa học tự nhiên.

1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SHS, SGV, SBT khoa học tự nhiên 8.
* Tranh ảnh hoặc video giới thiệu về sinh quyển.
* Tranh ảnh hoặc video giới thiệu về các khu sinh học chủ yếu trên Trái Đất

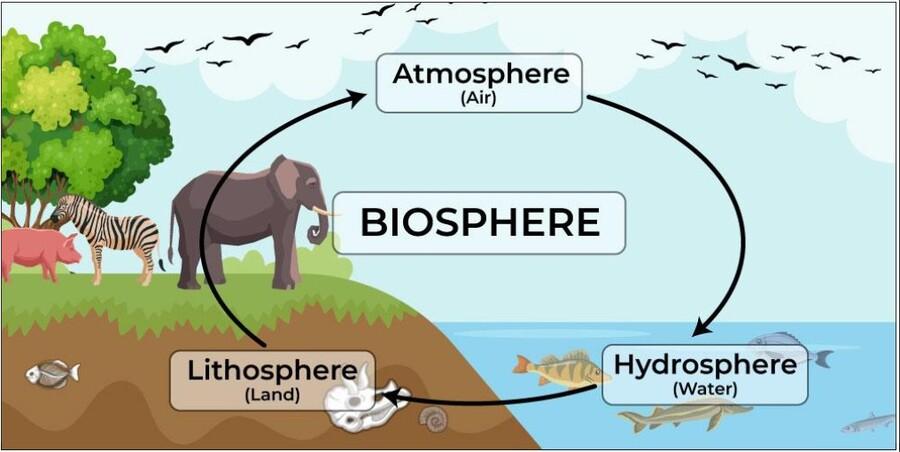
**2. Đối với học sinh**

* SHS khoa học tự nhiên 8.
* Tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến nội dung bài học và dụng cụ học tập.

1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**
2. **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( MỞ ĐẦU)**
3. **Mục tiêu:** Đưa ra các câu hỏi thực tế gần gũi để khơi gợi hứng thú học tập.
4. **Nội dung:** HS trả lời câu hỏi mở đầu
5. **Sản phẩm:** Đáp án cho câu hỏi mở đầu
6. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

* GV yêu cầu HS nhắc lại vai trò của trao đổi chất đối với cơ thể người.
* GV đưa ra câu hỏi: *“Trái Đất là ngôi nhà chung của hành triệu sinh vật. Cho đến nay, Trái Đất là nơi duy nhất trong vũ trụ được biết đến là có sự sống. Các loài sinh vật sinh sống ở đâu trên Trái Đất?”*



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ trả lời câu hỏi mở đấu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* Các học sinh xung phong phát biểu trả lời.

**Bước 4: Kết luận và nhận xét:**

***Đáp án***

* GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài:Để có được câu trả lời đầy đủ và chính xác nhất cho câu hỏi này, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu **Bài 45. Sinh quyển.**

1. **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về cấu tạo và chức năng của da**

1. **Mục tiêu:** Nêu được khái niệm sinh quyển
2. **Nội dung:** Học sinh dựa vào thông tin sgk để nêu khái niệm sinh quyển và thành phần chính của sinh quyển.
3. **Sản phẩm:**  Khái niệm sinh quyển, thành phần cấu tạo chính của sinh quyển và vai trò của sinh quyển
4. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi, đọc thông tin trong sgk, nêu khái niệm sinh quyển, thành phần cấu tạo chính của sinh quyển và vai trò của sinh quyển.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS theo dõi hình ảnh, video, đọc thông tin trong sgk, thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Đại diện nhóm HS giơ tay phát biểu hoặc lên bảng trình bày.  - Một số HS nhóm khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV nhận xét kết quả thảo luận nhóm, thái độ làm việc của các HS trong nhóm.  - GV tổng quát lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở. | **I. Khái niệm sinh quyển**  - Sinh quyển là toàn bộ sinh vật sống trên Trái Đất cùng các nhân tố vô sinh của môi trường.  - Sinh quyển là một hệ sinh thái khổng lồ, bao gồm:  + Lớp đất  + Lớp không khí  + Lớp nước đại dương.  - Sinh quyển cung cấp các nhân tố vô sinh cần thiết cho sự tồn tại của sinh vật, các sinh vật muốn tồn tại phải thích nghi với điều kiện môi trường của sinh quyển. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu các khu sinh học chủ yếu**

1. **Mục tiêu:** Nhận biết được các khu sinh học trên Trái Đất.
2. **Nội dung:** HS tìm hiểu thông tin trong sgk kết hợp trả lời câu hỏi và thực hiện hoạt động trong sách để hình thành kiến thức.
3. **Sản phẩm:** Đặc điểm của các khu sinh học và đáp án các **câu hỏi mục II sgk trang 186, 187**
4. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV giới thiệu về việc phân chia các khu vực sinh học.  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm 4, đọc nội dung sgk, nêu đặc điểm của các khu sinh học và trả lời các **câu hỏi mục II sgk trang 186, 187.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS theo dõi hình ảnh, đọc thông tin trong sgk, thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Đại diện nhóm HS giơ tay phát biểu hoặc lên bảng trình bày.  - Một số HS nhóm khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV nhận xét kết quả thảo luận nhóm, thái độ làm việc của các HS trong nhóm.  - GV tổng quát lại kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS ghi chép đầy đủ vào vở. | **II. Các khu sinh học chủ yếu**  Ở các vùng địa lí khác nhau, điều kiện khí hậu không đồng nhất đã hình thành các hệ sinh thái đặc trưng cho vùng gọi là khu sinh học. Phân loại:  + Khu sinh học trên cạn  + Khu sinh học nước ngọt  + Khu sinh học nước biển.   1. **Khu sinh học trên cạn**   Từ vùng cực đến vùng nhiệt đới có các khu sinh học: đồng rêu hàn đới, rừng lá kim phương bắc, rừng ôn đới, rừng mưa nhiệt đới.  **- Đáp án câu hỏi mục II sgk trang 186:**  *Việc hình thành các khu sinh học trên cạn khác nhau là do yếu tố nhiệt độ và độ ẩm quyết định.*   1. **Khu sinh học nước ngọt**   - Khu vực nước đứng: ao, hồ, đầm,…  - Khu vực nước chảy: sông, suối,…   1. **Khu sinh học nước biển**   **-** Sinh vật có sự khác nhau theo chiều thẳng đứng và chiều ngang.  - Tầng nước mặt và ven bờ có thành phần sinh vật phong phú nhất.  **- Đáp án hoạt động mục II sgk trang 187:**  *Ví dụ:*  *+ Khu sinh học rừng ôn đới: phong, sến đỏ, sồi, sóc, chim gõ kiến, hươu, lợn lòi, cáo, gấu.*  *+ Khu sinh học sa mạc và hoang mạc: xương rồng, cỏ lạc đà, ngải, lạc đà, thằn lằn, rắn, sâu bọ cánh cứng,…*  *+ Khu sinh học đồng rêu hàn đới: rêu, địa y, gấu trắng bắc cực, chim cánh cụt, tuần lộc, hươu, côn trùng,…*   * **Kết luận:**   **Trên Trái Đất, ở** **các vùng địa lí khác nhau, điều kiện khí hậu không đồng nhất đã hình thành các hệ sinh thái đặc trưng cho vùng gọi là khu sinh học, bao gồm:**  **+ Khu sinh học trên cạn**  **+ Khu sinh học nước ngọt**  **+ Khu sinh học nước biển.** |

1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**
2. **Mục tiêu:** HS củng cố lại kiến thức về sinh giới.
3. **Nội dung:** Cá nhân HS làm các câu hỏi trắc nghiệm khách quan về sinh quyển, thành phần của sinh quyển, khu sinh học.
4. **Sản phẩm:** Đáp án của HS cho các câu hỏi trắc nghiệm khách quan.
5. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Câu 1:** Phát biểu nào sau đây không đúng với sinh quyển?

A. Giới hạn ở trên là nơi tiếp giáp với tầng ozon.

B. Giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất.

C. Ranh giới trùng hoàn toàn với lớp vỏ Trái Đất.

D. Ranh giới trùng hợp với toàn bộ lớp vỏ địa lí.

**Câu 2:** Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có

A. toàn bộ thực vật sinh sống. B. tất cả sinh vật, thổ nhưỡng.

C. toàn bộ sinh vật sinh sống. D. thực, động vật; vi sinh vật.

**Câu 3:** Giới hạn của sinh quyển bao gồm:

A. phần thấp của khí quyển, toàn bộ thuỷ quyển và phần trên của thạch quyển

B. phần thấp tầng đối lưu, toàn bộ thuỷ quyển và thổ nhưỡng quyển.

C. phần trên tầng đối lưu, phần dưới của tầng bình lưu và toàn bộ thuỷ quyển.

D. phần thấp tầng đối lưu, phần trên tầng bình lưu, đại dương và đất liền.

**Câu 4:** Nhận định nào sau đây đúng nhất với sinh quyển?

A. Sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.

B. Thực vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.

C. Động vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.

D. Vi sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.

**Câu 5:** Kiểu thảm thực vật nào sau đây không thuộc vào môi trường đới ôn hoà?

A. Đài nguyên. B. Rừng lá rộng. C. Rừng lá kim. D. Thảo nguyên.

**Câu 6:** Kiểu thảm thực vật nào sau đây thuộc vào môi trường đới lạnh?

A. Thảo nguyên. B. Đài nguyên. C. Rừng lá rộng. D. Rừng lá kim.

**Câu 7:** Kiểu thảm thực vật nào sau đây thuộc vào môi trường đới ôn hoà?

A. Rừng xích đạo. B. Xavan.

C. Rừng nhiệt đới ẩm. D. Rừng cận nhiệt ẩm.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ trả lời
* GV điều hành, quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* HS giơ tay phát biểu

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**-** GV chữa bài, chốt đáp án.

- GV nhận xét thái độ học tập, phương án trả lời của HS, ghi nhận và tuyên dương.

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** |
| Đáp án | C | C | A | A | A | B | D |

1. **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**
2. **Mục tiêu:** HS thực hiện làm các bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức về sinh quyển.
3. **Nội dung:** HS làm việc nhóm đôi vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các bài tập trong phiếu bài tập.
4. **Sản phẩm:** Đáp án của HS cho các câu hỏi vận dụng liên quan đến sinh quyển, thành phần của sinh quyển, khu sinh học .
5. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

* GV phát phiếu bài tập vận dụng cho HS, yêu cầu các nhóm đôi hoàn thành tất cả các câu hỏi trong phiếu.

|  |
| --- |
| **Họ và tên:**  **Lớp:**  **PHIẾU BÀI TẬP**  **Câu 1:** Tại sao ở khu sinh vật biển, vùng ven bờ thường có thành phần sinh vật phong phú hơn vùng khơi?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  **Câu 2:** Tìm những ví dụ về sự thích nghi của sinh vật với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng ở mỗi khu sinh học.  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  **Câu 3:** Em hãy phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của sinh quyển. Cho ví dụ liên hệ thực tế ở địa phương em.  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* Nhóm đôi HS thảo luận hoàn thành nhiệm vụ.
* GV điều hành quan sát, hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* HS xung phong phát biểu, các HS khác chú ý lắng nghe nhận xét và góp ý bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

* GV chữa bài, chốt đáp án.
* GV nhận xét thái độ làm việc, sản phẩm, phương án trả lời của các học sinh, ghi nhận và tuyên dương.

**Đáp án**

**Câu 1:** *Do vùng ven bờ có sự đa dạng về địa hình, khí hậu, môi trường đất (đất mặn, đất phèn, đất cát,…), môi trường nước (nước từ mặn cho đến lợ),…* tạo ra nhiều loại môi trường sống đa dạng, thích hợp với sự sinh trưởng và phát triển của nhiều nhóm loài.

**Câu 2:** *Ví dụ về sự thích nghi của sinh vật với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng ở mỗi khu sinh học:*

*- Gấu bắc cực thích nghi với điều kiện quanh năm băng giá ở khu sinh học đồng rêu đới lạnh: Có bộ lông và lớp mỡ dày giúp giữ ấm, không có lông mi do lông mi có thể gây đóng băng trên mắt, bộ lông màu trắng giúp chúng ngụy trang, có tập tính ngủ đông và hoạt động trong mùa hạ vào ban ngày.*

*- Cây xương rồng thích nghi với điều kiện khí hậu khô hạn, nhiệt độ không khí nóng vào ban ngày và lạnh vào ban đêm ở khu sinh học sa mạc và hoang mạc: Thân cây biến dạng thành thân mọng nước giúp dự trữ nước cho cây, thân cũng có các rãnh chạy dọc chiều dài thân giúp chuyển nước mưa, nước sương thành một dòng xuống rễ; Lá xương rồng biến thành gai hạn chế được sự thoát hơi nước; Rễ cây dài, lan rộng giúp cây hấp thu nước;…*

*- Cây đước thích nghi với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng tại khu sinh học rừng ngập mặn: Bộ rễ chia làm hai phần là rễ cọc và rễ phụ, rễ cọc cắm thẳng, rễ phụ phát triển thành chùm, mọc từ phần thân gần gốc giúp cây chống đỡ, hạn chế ảnh hưởng của sóng và gió; Quả đước có dạng hình trụ dài, khi già sẽ tự rụng cắm thẳng xuống lớp bùn và hình thành cây mới,...*

**Câu 3:** *Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của sinh vật*

*- Khí hậu và nguồn nước: Khí hậu ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố của sinh vật chủ yếu thông qua ánh sáng, nhiệt độ, nước và độ ẩm không khí.*

*- Đất: Đất là môi trường sống, là nguồn dinh dưỡng phong phú cho nhiều loài sinh vật. Đất vừa là giá thể cho cây, vừa cung cấp nước, chất khoáng, chất dinh dưỡng cho cây.*

*- Địa hình*

*+ Do điều kiện nhiệt ẩm thay đổi theo độ cao nên các kiểu thảm thực vật cũng thay đổi.*

*+ Hướng sườn và độ dốc khác nhau gây nên sự khác biệt về nhiệt, ẩm và chế độ chiếu sáng, do đó cũng ảnh hưởng tới độ cao xuất hiện và kết thúc của các vành đai thực vật.*

*- Sinh vật*

*+ Các sinh vật có mối quan hệ chặt chẽ với nhau thể hiện qua chuỗi thức ăn - lưới thức ăn và nơi cư trú.*

*+ Có nhiều loài động vật ăn thực vật nhưng chúng cũng là thức ăn của những loài động vật ăn thịt.*

*+ Các loài sinh vật khi chết đi sẽ được sinh vật phân huỷ trở thành vật chất hữu cơ cung cấp trả lại cho đất.*

*- Con người: Con người có ảnh hưởng rất lớn đến sự phân bố thực vật, động vật trên Trái Đất. Con người có thể tạo nên các giống loài mới, mở rộng phạm vi phân bố của các loài.*

*→ Ví dụ: Ở địa phương em đưa nhiều giống cây, con mới về trồng trọt và chăn nuôi nên làm đa dạng sinh vật,…*

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

**-** Ghi nhớ kiến thức trong bài.

**-** Hoàn thành bài tập trong SBT

**-** Chuẩn bị bài 46. Cân bằng tự nhiên.